

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/ DS - ST

Ngày: 26/8/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Lê Đức Dũng

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST – DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-DS ngày 09/8/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Hải T – chức vụ: Giám đốc chi nhánh Đ.

Ông Lê Hải T uỷ quyền lại cho ông Phan Nguyễn Đăng K – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trịnh Xuân T1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ D, ấp S, xã X, huyện C, Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn anh Phan Nguyễn Đăng K trình bày:

Ngày 25/5/2022, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã ký kết với ông Trịnh Xuân T1 giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, theo đó Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 466243-0548 với hạn mức sử dụng là 500.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Theo giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng thì ông T1 cam kết bị ràng buộc bởi Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, từ ngày 25/8/2022 đến ngày 25/11/2022, ông T1 đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 649.547.590 đồng và ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền là 155.592.582 đồng. Từ ngày 26/10/2022, ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông T1 không có thiện chí trả

nợ. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn

Nay Ngân hàng yêu ông Trịnh Xuân T1 phải thanh toán nợ gốc là 521.793.440 đồng, nợ lãi đến ngày 26/08/2024/2024 là 448.147.645 đồng, phí trễ hạn: 14.306.139 đồng, phí vượt hạn mức 4.723.800 đồng. Tổng cộng là 988.971.024 đồng. Đồng thời, từ ngày 27/8/2024 ông T1 còn phải chịu lãi suất phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi ông T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng không yêu cầu vợ của ông T1 cùng liên đới với ông T1 trả nợ cho Ngân hàng.

*Bị đơn ông Trịnh Xuân T1 trình bày: Ngày 25/5/2022 phía ngân hàng có cấp cho ông 0 thẻ tín dụng hạn mức 500.000.000 đồng, số tiền này anh dùng vào việc kinh doanh của công ty TNHH MTV T2. Năm 2023, công ty gặp nhiều khó khăn về kinh tế nên bị nợ quá hạn, nợ xấu. Đến tháng 7/2023, ông thỏa thuận với Ban giám đốc của Ngân hàng S1 – chi nhánh Đ là ông nộp số tiền 16.000.000.000 đồng thì phía ngân hàng phải tắt toán khoản vay thẻ tín dụng sau khi trừ gốc lãi thì số tiền còn lại sẽ được thanh toán cho khoản vay hạn mức của Công ty T2 và Ban giám đốc ngân hàng đồng ý.

Ngày 20/7/2023, ông nộp vào số tài khoản 050134892894 số tiền 16.000.000.000 đồng và đã được trích thu nợ tại ngày hôm đó. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý trả. Số tiền vay thẻ tín dụng với Ngân hàng ông tự trả không yêu cầu vợ phải liên đới cùng ông trả nợ cho Ngân hàng.

* Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Trịnh Xuân T1 phải trả cho nguyên đơn 988.971.024 đồng (trong đó nợ gốc 521.793.440 đồng, nợ lãi đến ngày 26/08/2024/2024 là 448.147.645 đồng, phí trễ hạn: 14.306.139 đồng, phí vượt hạn mức 4.723.800 đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 27/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

Về án phí: ông Trịnh Xuân T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện ông Trịnh Xuân T1 yêu cầu thanh toán tiền gốc, lãi trong quá trình thực hiện giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng của Ngân hàng trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng và ông T1 hiện đang

thường trú tại huyện C nên quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trịnh Xuân T1 đã được Toà án triệu tập họp lệ đến tham dự phiên toà lần thứ hai nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Về nội dung tranh chấp:

Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ông T1 ký hết với Ngân hàng để mở thẻ tín dụng số 466243-0548 với hạn mức sử dụng là 500.000.000 đồng. Việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng giữa ông T1 và Ngân hàng theo thoả thuận là tuân theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/5/2022 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng của ông T1 từ ngày 26/10/2022 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông T1 và chuyển toàn bộ khoản vay của ông T1 sang nợ quá hạn. Ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thì Ngân hàng khởi kiện ông T1 là có cơ sở. Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải thanh toán dư nợ đến ngày 26/8/2024 gồm 988.971.024 đồng (trong đó nợ gốc 521.793.440 đồng, nợ lãi đến ngày 26/08/2024 là 448.147.645 đồng, phí trễ hạn: 14.306.139 đồng, phí vượt hạn mức 4.723.800 đồng). Theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thì lãi, phí ngân hàng yêu cầu phù hợp. Bị đơn thừa nhận có vay của ngân hàng hạn mức 500.000.000 đồng nhưng ông T1 đã thanh toán toàn bộ số nợ cho Ngân hàng bằng cách nộp số tiền 16.000.000.000 đồng vào tài khoản 050134892894 ngày 20/7/2023. Ngân hàng cũng thừa nhận vợ ông T1 đã nộp vào tài khoản trên số tiền 16.000.000.000 đồng nhưng tài khoản này là số tài khoản thanh toán của Công ty TNHH MTV T2, sau đó số tiền 16.000.000.0000 đồng được chuyển sang tài khoản thanh toán nợ của công ty T2 là số tài khoản 050135047764 để thanh toán nợ của Công ty T2 không dùng để thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng của ông T1. Đồng thời, Ngân hàng cũng cung cấp sao kê tài khoản 050135047764 từ ngày 20/7/2023 đến ngày 21/7/2023, theo sao kê tài khoản này thì số tiền 16.000.000.000 đồng được nộp vào tài khoản 050135047764. Do đó, trình bày của bị đơn về việc nộp số tiền 16.000.000.000 đồng để trả khoản vay tín dụng cá nhân 500.000.000 đồng là không có cơ sở.

Ngân hàng không yêu cầu vợ ông T1 và ông T1 cũng không yêu cầu vợ cùng liên đới trả nợ nên không buộc vợ ông T1 cùng liên đới trả nợ.

Từ các nhận định trên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trịnh Xuân T1 thanh toán dư nợ đến ngày 26/8/2024 gồm 988.971.024 đồng (trong đó nợ gốc 521.793.440 đồng, nợ lãi đến ngày 26/08/2024 là 448.147.645 đồng, phí trễ hạn: 14.306.139 đồng, phí vượt hạn mức 4.723.800 đồng). Kể từ ngày 27/8/2024 ông T1 còn phải chịu lãi suất phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi ông T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 41.669.000 đồng. Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

[5] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP S đối với ông Trịnh Xuân T1 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

1. Buộc ông Trịnh Xuân T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ tính đến ngày 26/8/2024 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng cụ thể:

Nợ gốc: 521.793.400 đồng.

Lãi: 448.147.645 đồng.

Phí trễ hạn: 14.306.139 đồng.

Phí vượt hạn mức: 4.723.800 đồng.

Tổng cộng: 988.971.024 đồng.

Kể từ ngày 27/8/2024, ông Trịnh Xuân T1 còn phải tiếp tục chịu số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S đã ký kết giữa các bên cho đến khi ông Trịnh Xuân T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S.

Trường hợp ông Trịnh Xuân T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Ông Trịnh Xuân T1 phải chịu 41.669.000 (*Bốn mươi một triệu sáu trăm sáu mươi chín ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng 17.393.000 (*Mười bảy triệu ba trăm chín mươi ba ngàn*) đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011776 ngày 08/12/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cẩm Mỹ.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành

án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Đường sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung